LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN: 02 - Từ ngày 27 tháng 08 đến ngày 02 tháng 09 năm 2018)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
								27/8/2018		28/8/2018		29/8/2018		30/8/2018		31/8/2018		1/9/2018		2/9/2018		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
1	CĐ	K18	CTM1		1	8	TH.CG2	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2					Vũ Văn Khiêm
2	ĐH	K12	2303101	201812303101001	1	20	TH.CG1			1	P2											Hoàng Vân Nam
3	ĐH	K12	2303101	201812303101002	1	20	TH.CG1							2	P1							Trần Ngọc Hiên
4	ĐH	K12	2303101	201812303101003	1	20	TH.CG1															Trần Trung Hiếu
5	ĐH	K12	2303101	201812303101004	1	20	TH.CG1			2	P2											Hoàng Vân Nam
6	ĐH	K12	2303102	201812303101005	1	20	TH.CG1							1	P1							Trần Ngọc Hiên
7	ĐH	K12	2303102	201812303101006	1	20	TH.CG1															Trần Trung Hiếu
8	ĐH	K12	2303102	201812303101007	1	20	TH.CG1	2	T3													Trần Ngọc Tân
9	ĐH	K12	2303102	201812303101008	1	20	TH.CG1					1	T4									Lê Đăng Hà
10	ĐH	K12	2303102	201812303101009	1	20	TH.CG1									2	T2					Vũ Văn Khiêm
11	ĐH	K12	2303101.10	201812303101010	1	20	TH.CG1	1	T4			3	T4									Lê Đăng Hà
12	ĐH	K12	2303101	201812303101011	1	20	TH.CG1					2	T4									Lê Đăng Hà
13	ĐH	K10	010343.1	20181010343001	1	14	TH.CNC					1	CNC									Lê Quang Lâm
14	ĐH	K10	010343.1	20181010343001	2	14	TH.CNC					1	CNC									Cao Thế Anh
15	ĐH	K10	2303105	201812303105001	1	20	TH.CNC	2	CNC													Lê Quang Lâm
16	ĐH	K10	2303105	201812303105002	1	20	TH.CNC	1	CNC													Cao Thế Anh
17	ĐH	K10	2303105	201812303105003	1	20	TH.CNC															Lê Quang Lâm
18	ĐH	K10	2303105	201812303105004	1	20	TH.CNC															Cao Thế Anh
19	ĐH	K10	2303106	201812303105005	1	20	TH.CNC					2	CNC									Cao Thế Anh
20	ĐH	K10	2303106	201812303105006	1	20	TH.CNC					1	CNC									Đặng Xuân Thao
21	ĐH	K10	2303106	201812303105007	1	20	TH.CNC			1	CNC											Lê Quang Lâm
22	ĐH	K10	2303106	201812303105008	1	20	TH.CNC			2	CNC											Cao Thế Anh
23	ĐH	K10	2303106	201812303105009	1	20	TH.CNC									2	CNC					Lê Quang Lâm
24	ĐH	K10	2303105.10	201812303105010	1	20	TH.CNC									1	CNC					Cao Thế Anh

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
								27/8/2018		28/8/2018		29/8/2018		30/8/2018		31/8/2018		1/9/2018		2/9/2018		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
25	ĐH	K10	2303105.11	201812303105011	1	20	TH.CNC							1	CNC							Lê Quang Lâm
26	ĐH	K10	2303105.12	201812303105012	1	20	TH.CNC							2	CNC							Cao Thế Anh
27	CĐ-ĐH	K12	2303105.13	201812303105013	1	20	TH.CNC					3	CNC	3	CNC							Lê Quang Lâm
28	ĐH	K10	2303105.16	201812303105017	1	17	TH.CNC	2	CNC													Đặng Xuân Thao
29	ĐH	K10	2303105.16	201812303105017	2	17	TH.CNC	3	CNC													Cao Thế Anh
30	ĐH	K10	2303105.16	201812303105017	3	17	TH.CNC															Lê Quang Lâm
31	ĐH	K10	2303105.18	201812303105019	1	17	TH.CNC															Cao Thế Anh
32	ĐH	K10	2303105.18	201812303105019	2	17	TH.CNC							3	CNC							Đặng Xuân Thao
33	ĐH	K10	2303105.18	201812303105019	3	16	TH.CNC							1	CNC							Đặng Xuân Thao
34	CĐ-ĐH	K12	2303102.1	201812303102001	1	14	TH.CG2															Đỗ Hồng Việt
35	CĐ-ĐH	K12	2303102.1	201812303102001	2	14	TH.CG2															Vũ Văn Khiêm
36	CĐN-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038001	1	15	TH.X-CG															Đặng Xuân Thao
37	CĐN-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038001	2	15	TH.X-CG															Đặng Xuân Thao
38	CĐ-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038002	1	15	TH.X-CG			3	XUNG											Đặng Xuân Thao
39	CĐ-ĐH	K12	ME6038	20181ME6038002	2	15	TH.X-CG									3	XUNG					Đặng Xuân Thao
40	CĐ-ĐH	K12	ME6037	20181ME6037001	1	15	TH.CNC									3	CNC					Cao Thế Anh
41	CĐ-ĐH	K12	ME6037	20181ME6037001	2	15	TH.CNC			3	CNC					3	CNC					Lê Quang Lâm
42	LETCO	K21	CGKL1		1	17	THCG	1	T1	1	T1	1	T1	1	T1	1	T1					Trần Trung Hiếu
43	LETCO	K21	CGKL1		2	17	THCG	1	T3	1	T3	1	T3	1	T3	1	T3					Trần Ngọc Tân
44	ĐH	10	CK1	10.7.2503101.01	1	25	Thực hành hàn 2503101									1	H2	1	H2			Đ.T. Hiếu
45				10.7.2503101.02	2	25				2	H3					1	H3					Đ.Q.Hưng
46	ĐH	10	CK2	10.7.2503101.03	1	25	Thực hành hàn 2503101							2	H2	2	H2					Đ.T. Hiếu
47				10.7.2503101.04	2	25										2	H3					Đ.Q.Hưng
48	ĐH	10	CK3	10.7.2503101.05	1	24	Thực hành hàn 2503101									1	H1					N.T.Giang
49				10.7.2503101.06	2	23										1	H2					Đ.T. PHúc
50	ĐH	10	CK4	10.7.2503101.07	1	25	Thực hành hàn 2503101									2	H1					N.T.Giang
51	ĐH	10	CK5	10.7.2503101.09	1	25	Thực hành hàn 2503101	1	H2													Đ.T. Hiếu
52				10.7.2503101.10	2	17		1	H3					2	H3							Đ.Q.Hưng
53	ĐH	10	CK6	10.7.2503101.11	1	25	Thực hành hàn 2503101	2	H2					1	H2							Đ.T. Hiếu
54				10.7.2503101.12	2	37		2	H3			1	H3									Đ.Q.Hưng
55	ĐH	10	CK7	10.7.2503101.14	1	25	Thực hành hàn 2503101	1	H2													Đ.T.PHúc

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
								27/8/2018		28/8/2018		29/8/2018		30/8/2018		31/8/2018		1/9/2018		2/9/2018		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
56	CĐ	17	CĐ1		1	30	THSC							1.2								B.S.Hải
57	ĐH	10	CĐT4	2303104.12	1	25	TH nguội									1	SC1					V.Đ.Cứu
58	ĐH	10	CĐT2	2303104.4	1	25	TH nguội			2.3	SC2			3	SC2							C.A.Tuấn
59	ĐH	10	CĐT4	2303104.10	1	25	TH nguội							2	SC3							Đ.X.Thao
60	ĐH	10	CĐT3	2303104.7	1	25	TH nguội							1	SC1							V.Đ.Cứu
61	ĐH	10	CĐT1	2303104.1	1	25	TH nguội			1	SC2											B.S.Hải
62	ĐH	10	CĐT3	2303104.8	1	25	TH nguội					1	SC2									B.S.Hải
63	ĐH	10	CĐT1	2303104.2	1	25	TH nguội	1	SC2													C.A.Tuấn